

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **205/2018/DS-ST**

Ngày 13/8/2018.

“*V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Dương Thị Thu Vân**

2/ Bà Phan Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày từ ngày 09/8/2018 đến ngày 13/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 84/2018/TLST-DS ngày 11/4/2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST-DS, ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp CH, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho bà M có ông **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1977; địa chỉ: 166/19, Lý Thường Kiệt, phường 6, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018).

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1976;

Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1981;

Cùng ngụ địa chỉ: Ấp Thân Bình, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Anh P, chị H có mặt; anh B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/4/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **Phạm Thị Tuyết M** và đại diện theo ủy quyền của bà M là anh **Nguyễn Thành P** trình bày:

Vào ngày 25/6/2017, anh B và chị H có mượn của bà M số tiền 150.000.000đồng, không tính lãi, có làm biên nhận do chị Trần Thị Ngọc H viết ngày 25/6/2017, anh B và chị H cùng ký tên vào biên nhận đó. Anh B, chị H cam kết trả số tiền 150.000.000đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày vay. Đến ngày 26/8/2017, các bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, như vậy đã có sự vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 26/8/2017 cho đến nay.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn B và Trần Thị Ngọc H phải cùng trả cho bà M số tiền 150.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi tính theo quy định của pháp luật.

* Theo bản tự khai ngày 26/4/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn **Trần Thị Ngọc H** trình bày:

Ngày 25/6/2017, chị có mượn của bà Phạm Thị Tuyết M số tiền 150.000.000đồng, không phải anh B mượn. Hai bên có làm giấy mượn tiền do chị viết, chị và anh B ký tên người mượn. Lý do anh B ký tên là do bà M yêu cầu, vì anh B là chồng chị, phải có anh B cùng ký bảo đảm thì bà M mới đưa tiền cho chị mượn. Anh B hoàn toàn không nhận tiền từ bà M.

Trong thời hạn 60 ngày, theo thỏa thuận chị H phải trả đủ tiền gốc và lãi cho bà M. Cụ thể: Vào ngày 25/6/2017, sau khi nhận 150.000.000đồng, chị đóng liền lại cho bà M là 4.000.000đồng (nợ gốc và lãi), liên tiếp 44 ngày sau đó chị tiếp tục trả tiền gốc và lãi cho bà M (trừ ngày 25/6/2017) là: $44\text{ngày} \times 4.000.000\text{đồng/ngày} = 176.000.000\text{đồng}$. Tổng cộng, chị đã trả lãi và gốc cho bà M là 180.000.000đồng. Như vậy, đến nay chị đã trả xong tiền mượn cho bà M. Nay bà M cầm giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 có chữ ký của chị và anh B để kiện đòi chị số tiền 150.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật tính từ ngày 26/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là chị không đồng ý trả.

Việc chị H trả xong nợ cho bà M, chị không có làm bất cứ giấy tờ gì để xóa nợ và cũng không xé bỏ giấy mượn tiền ngày 25/6/2017, do chị tin tưởng bà

M và đó giờ hai bên cũng có quan hệ vay tiền khi trả xong cũng không làm giấy xóa nợ. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

* Theo bản tự khai ngày 16/7/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn **Nguyễn Văn B** trình bày:

Anh có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 để vợ anh là Trần Thị Ngọc H mượn của bà Phạm Thị Tuyết M số tiền 150.000.000đồng. Anh chỉ ký tên theo yêu cầu của bà M, vợ chồng anh cùng ký tên vào giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 trước mặt bà M. Toàn bộ số tiền trên do vợ anh là chị H nhận, xoay sở chuyện mua bán, kiếm tiền chi tiêu trong gia đình, hoàn toàn anh không nhận bất cứ khoản tiền nào từ số tiền 150.000.000đồng. Chuyện vợ anh có trả dần tiền cho bà M đối với khoản tiền nói trên, anh có biết. Vì những lúc anh không đi xe, có mặt ở nhà, mỗi lần bà M, con bà M hoặc em của bà M lên nhà lấy tiền góp 4.000.000đồng/ngày, anh là người gọi vợ lên đưa tiền góp cho những người này, mỗi lần vợ anh đưa tiền thì không có bất kỳ ký nhận gì.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng anh trả 150.000.000đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/8/2017 anh hoàn toàn không đồng ý, vì theo như vợ anh đã trình bày, vợ anh đã trả xong cho bà M 150.000.000đồng này từ rất lâu. Đặt trường hợp nếu chưa trả thì anh đồng ý cùng vợ trả tiền gốc + lãi cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện theo ủy quyền của bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Chị H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn B có đơn ngày 16/7/2018 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn Bình.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Vụ án có quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung yêu cầu: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định chị H và anh B có vay của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M 150.000.000đồng vào ngày 25/6/2017, thời hạn vay là 60 ngày kể từ ngày 25/6/2017, vay không lãi, đến nay vẫn chưa trả nên nay nguyên đơn yêu cầu hai vợ chồng Trần Thị Ngọc H và Nguyễn Văn B liên đới trả số tiền nợ này và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tính tròn 11 tháng). Yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà M là Giấy mượn tiền ngày 25/6/2017.

Tại tòa, chị H thừa nhận, chị có vay của bà M số tiền 150.000.000đồng vào ngày 25/6/2017, có làm giấy mượn tiền cùng ngày, giấy này là do chị viết, chồng chị là anh B cùng ký tên vào giấy này trước mặt bà M, nhưng anh B không phải là người vay tiền, không nhận bất cứ khoản tiền nào từ số tiền 150.000.000đồng nói trên, chính chị là người nhận tiền và sử dụng số tiền vay để xoay sở chuyện mua bán, thu nhập có được lo cho các con và lo sinh hoạt trong gia đình, việc anh B ký tên là do bà M yêu cầu. Sau khi vay, chị đã trả góp đầy đủ cho bà M trong vòng 45 ngày liên tiếp, tính luôn ngày vay với số tiền là $4.000.000\text{đồng/ngày} \times 45\text{ ngày} = 180.000.000\text{đồng}$, so với nợ gốc chị trả lãi cho bà M tổng cộng 30.000.000đồng. Việc trả nợ này của chị đối với bà M hoàn thành từ rất lâu, giữa chị và bà M không làm giấy tờ gì thể hiện việc trả nợ, lãi cũng như không xé giấy mượn tiền nói trên, vì trước giờ quan hệ vay mượn tiền nhiều lần giữa chị và bà M đều làm như thế.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà M, chị không đồng ý với lý do như đã trình bày. Ngoài ra, chị còn cho rằng bà M đã có sự gian dối khi tại tòa hôm nay, phía bà M đã cung cấp bản chính giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 có chữ ký và họ tên đầy đủ của bà M ở chỗ “người cho mượn” mà trước đây bản phô tô khi bà M nộp đơn khởi kiện chị thì hoàn toàn không có thông tin này.

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự trong vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của chị H và anh B là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bởi lẽ, theo Giấy mượn tiền thể hiện anh B và chị H có vay của bà M

số tiền 150.000.000đồng, không tính lãi, vào ngày 25/6/2017 (bl 06), theo đó còn thể hiện thời hạn trả tiền vay là 60 ngày kể từ ngày 25/6/2017. Đến nay đã hết thời hạn 60 ngày mà người vay chưa trả 150.000.000đồng cho bà M là đã vi phạm nghĩa vụ như đã cam kết. Chị H cho rằng chị đã trả xong nợ gốc và tiền lãi cho bà M nhưng không có chứng cứ để chứng minh, hơn nữa giấy mượn tiền cũng không thể hiện đôi bên có thỏa thuận lãi và đại diện theo ủy quyền của bà M hoàn toàn phủ nhận việc đã trả tiền nợ gốc và lãi này của chị H và anh B. Đối với việc bà M có bổ sung thêm thông tin như chị H trình bày và được anh P thừa nhận, Hội đồng xét xử xét thấy tại tòa chị H cũng đã thừa nhận chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 (bản chính) là do chị viết, có chị và anh B ký tên, việc bổ sung thêm thông tin này tuy có sự thay đổi về hình thức, nhưng về bản chất sự việc thì không làm thay đổi nội dung mà đôi bên đã thỏa thuận.

Đối với lời khai của anh B tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2018, anh cùng chị H ký tên vào giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 trước mặt bà M là do bà M yêu cầu, anh hoàn toàn không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ số tiền 150.000.000đồng này, hơn nữa theo vợ anh trình bày là đã trả xong 150.000.000đồng cho bà M từ rất lâu... nên anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà M, là không thể chấp nhận vì anh đã không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Nếu thật sự anh không vay tiền của bà M thì cho dù bà M có yêu cầu, anh có quyền từ chối việc ký nhận, anh không thể nào viện dẫn lý do như đã trình bày. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải này, anh B thừa nhận chị H vay số tiền trên để xoay sở chuyện mua bán, kiếm tiền chi tiêu trong gia đình, đặt trường hợp chị H chưa trả thì anh đồng ý cùng vợ trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử buộc anh cùng chị H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo luật định cho bà M, trong đó **nợ gốc là 150.000.000đồng**, còn đối với yêu cầu tính lãi, tại tòa đại diện theo ủy quyền của bà M yêu cầu các bị đơn phải trả lãi trên số nợ gốc 150.000.000đồng kể từ ngày 26/8/2017 đến ngày 09/8/2018, tính tròn 11 tháng là: $11 \text{ tháng} \times 0.75\%/\text{tháng} (9\%/\text{năm}) \times 150.000.000\text{đồng} = 12.375.000 \text{ đồng}$, yêu cầu này là có lợi cho bị đơn và hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ vào Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền lãi là **12.375.000đồng**.

[4] Về án phí: Chị H và anh B liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 463; Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 288, Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết M.

Buộc chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Tuyết M tổng số tiền **162.375.000đồng** (*một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi là 12.375.000đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B và chị H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn B liên đới chịu **8.118.750đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Phạm Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí **3.750.000đồng** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008101 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Chị H, chị Mai, anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án lúc 15 giờ 00 phút, ngày 13/8/2018 . Có mặt chị H, vắng mặt anh Phương, anh B.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI